TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc Dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Quốc Tân

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Nhật Lệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên họp: Ông Lê Tuấn A - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, mở phiên họp công khai giải quyết việc Dân sự thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con", theo Quyết định mở phiên họp số 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: Số 358, đường Wuyuan, quận Tùng Sơn, thành phố Đài Bắc, Đài Loan, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044095003182

+ Chị Lưu Thị B, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: 5F-3, số 196 đường Dafu, quận Renwu, thành phố Cao Hùng, Đài Loan, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044071001459

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị Mạnh, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con lập ngày 02/10/2025 anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B thống nhất trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2018, tôi và chị Bé quen biết nhau do làm chung công ty, sau một thời gian quen nhau chúng tôi phát sinh tình cảm. Ngày 29/01/2019, chúng tôi tới UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị) làm thủ tục đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt Nam.

Sau khi kết hôn, chúng tôi về chung sống với nhau tại địa chỉ: thôn Quyết Thắng, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình *(Nay là xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị)*. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và những mâu thuẫn về kinh tế. Sau đó, do được gia đình khuyên nhủ nên vợ chồng lại hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

Năm 2019, tôi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Thời gian đầu khi qua Đài Loan tôi vẫn thường xuyên liên lạc về cho vợ (chị Bé) và có gửi tiền về cho vợ (chị Bé) để chị Bé ở nhà chăm sóc con cái.

Cuối năm 2024, chị Bé cũng xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng vợ chồng tôi không làm chung công ty với nhau nên cũng không ở cùng nhau và cũng không còn liên lạc với nhau nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do mục đích hôn nhân không đạt được, cách sống của hai bên không hợp nhau. Cuộc sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ nhưng chúng tôi vẫn không thể hòa hợp được với nhau. Nhận thấy, tình cảm của chúng tôi không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chúng tôi được xin ly hôn để mỗi bên có cuộc sống riêng cho mình.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là: Cháu Lê Tuấn Bảo, sinh ngày 23/05/2019

Hiện tại cháu Lê Tuấn Bảo đang sống cùng mẹ đẻ của chị Lưu Thị B (là bà Dương Thị Mạnh, sinh năm 1973 – Địa chỉ: thôn Quyết Thắng, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị).

Về người trực tiếp nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn: Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau giao cháu Lê Tuấn Bảo cho mẹ cháu (chị Lưu Thị B) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do hiện tại cháu Bảo đang sống cùng với bà ngoại và chúng tôi cùng làm việc ở nước ngoài nên chúng tôi thống nhất với nhau tiếp tục ủy quyền cho bà Mạnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo cho đến khi vợ chồng tôi trở về Việt Nam.

Về yêu cầu cấp dưỡng con chung: Chúng tôi thống nhất với nhau mỗi tháng tôi cấp dưỡng con chung là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*/tháng cho đến khi cháu Lê Tuấn Bảo trưởng thành.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chúng tôi không có công nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Tôi và anh chị Bé đã thống nhất tôi là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

Cả anh Tuấn Anh và chị Bé đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người cớ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Mạnh trình bày:

Chị Bé và anh Tuấn Anh có quen biết và tìm hiểu nhau đến năm 2019 anh chị xin phép gia đình nội ngoại 02 bên để cho về sống chung 01 nhà và được gia đình tôi đồng ý có tổ chức lễ cưới và anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nay, anh Tuấn Anh và chị Bé có đơn xin ly hôn nộp

tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 – tỉnh Quảng Trị tôi không có ý kiến gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Cháu Lê Tuấn Bảo – sinh ngày 23/05/2019, do tôi trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ khi anh Tuấn Anh và chị Bé đi nước ngoài. Nay ly hôn chị Bé và anh Tuấn Anh có nguyện vọng được tiếp tục ủy quyền cho tôi tiếp tục chăm sóc cháu Lê Tuấn Bảo cho đến khi anh chị quay lại Việt Nam tôi hoàn toàn đồng ý.

Tôi không yêu cầu chị Bé và anh Tuấn Anh phải trả tiền trợ cấp nuôi các cháu. Việc tôi chăm sóc các cháu là hoàn toàn tự nguyện và tôi rất mong các cháu được tiếp tục ở với tôi.

Do tôi bận công việc cá nhân nên tôi xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 1 phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:

- Về tố tụng: Toà án đã thụ lý và giải quyết việc dân sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản khoản 2 Điều 29, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149 Điều 369 và Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con của anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án Khu vực 1 nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung yêu cầu giải quyết việc ly hôn và xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc thì anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B hiện đang cư trú tại Đài Loan. Vì vậy việc dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Dân sự vắng mặt anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ thấu hiểu được với nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Tuấn Anh và chị Bé xác nhận hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị

đều có đơn đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa anh Tuấn Anh và chị Bé không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Xét anh Tuấn Anh và chị Bé thoả thuận giao 01 con chung là Lê Tuấn Bảo, sinh ngày 23/5/2019 cho chị Bé trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tuấn Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)/*tháng cho đến khi cháu Lê Tuấn Bảo trưởng thành. Tuy nhiên, do anh Tuấn Anh và chị Bé đang ở nước ngoài nên tạm thời giao cháu cho bà Dương Thị Mạnh (là mẹ đẻ của chị Bé) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh chị trở về Việt Nam. Xét việc thoả thuận của anh Tuấn Anh và chị Bé về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng và việc thỏa thuận tạm giao con cho bà Mạnh nuôi dưỡng là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[2.4.] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B thoả thuận anh Lê Tuấn A chịu toàn bộ lệ phí thuận tình ly hôn và anh Lê Tuấn A phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 6 Điều 27 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, 367, 369, 370, 371, 474, 475 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 122, 123, 124 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Tuấn Bảo, sinh ngày 23/5/2019 cho chị Lưu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tuấn Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* cho đến khi cháu Lê Tuấn Bảo trưởng thành. Tạm thời giao cháu Lê Tuấn Bảo cho bà Dương Thị Mạnh (là mẹ đẻ của chị Bé) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Lưu Thị B trở về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, anh Lê Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Lê Tuấn A và chị Lưu Thị B về việc anh Lê Tuấn A chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm và anh Lê Tuấn A phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh Tuấn Anh đã nộp tại biên lai số 0001503 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Lê Tuấn A phải nộp tiếp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định 12/02/2026.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Đỗ Quốc Tân